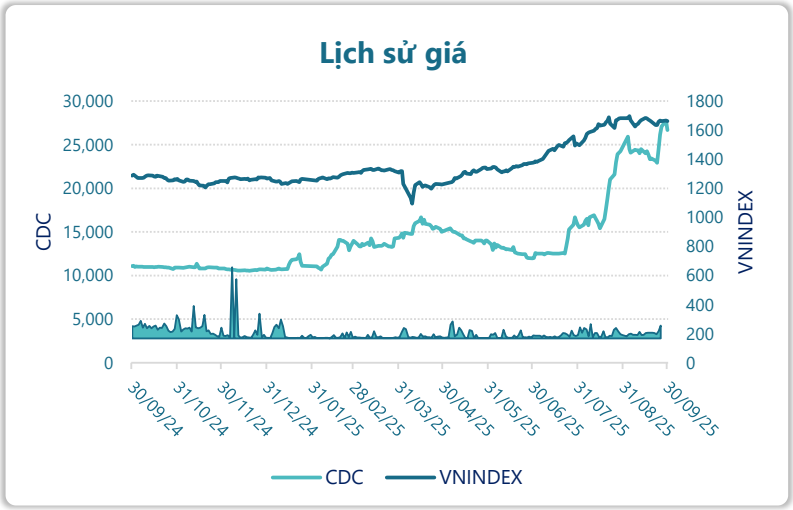
FireAnt

CTCP Chương Dương (HSX: CDC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**32,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,540
SL cổ phiếu LH	43,977,432
KLGD BQ 20 phiên (CP)	959,335
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,407
P/E	39.6
EPS	809

DT thuần

Q3/25

289

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 44.0| 18.1%

YoY: ▲ 54.0| 23.1%

LN sau thuế

Q3/25

8.25

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.53| 203%

YoY: ▲ 7.45| 931%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

9.0%

+/- YoY: ▲ 5.9%

DT thuần

9T 2025

791

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 63.0| 8.6%

LN sau thuế

9T 2025

12.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 6.68| 109%

ROE

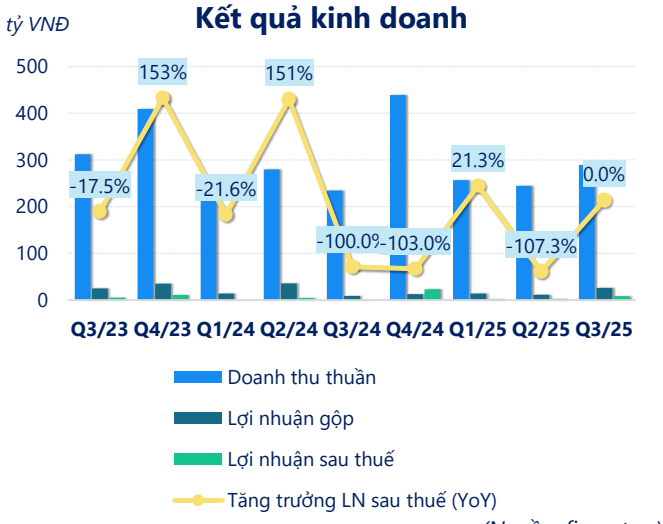
Q3/25

6.6%

+/- YoY: ▲ 1.6%

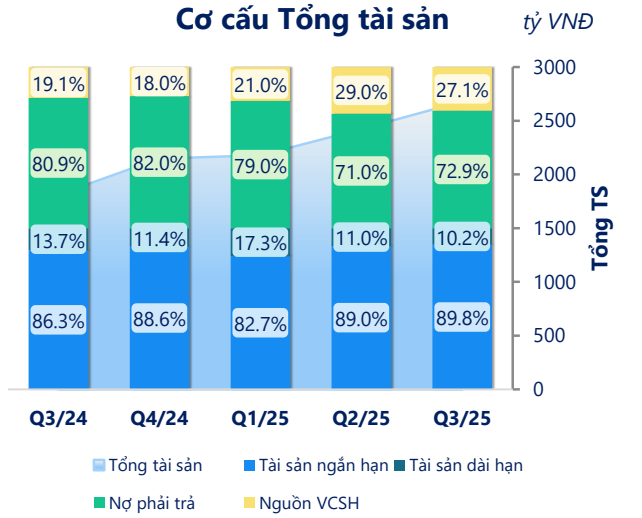
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



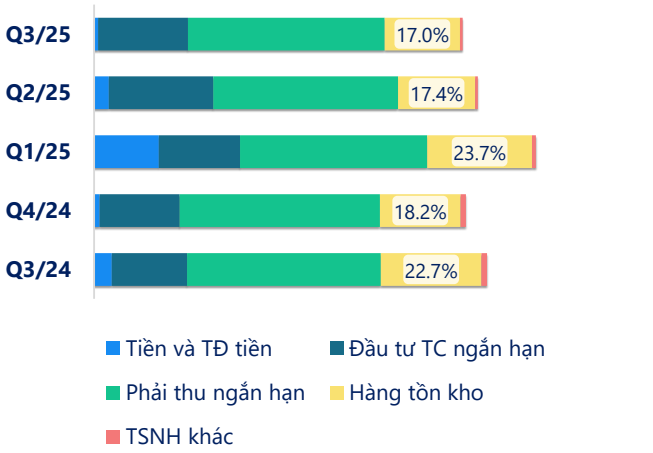
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



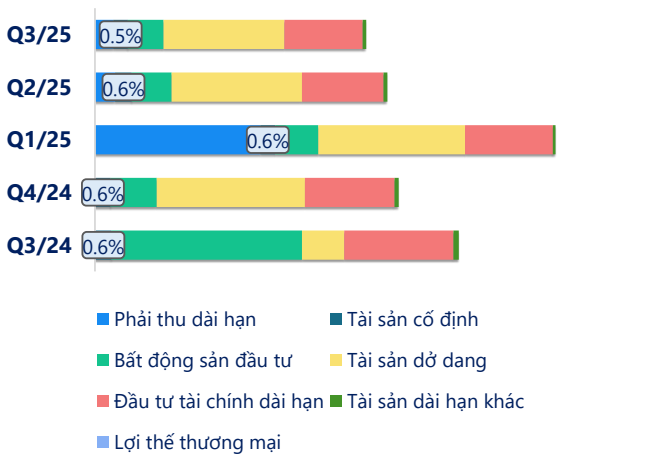
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



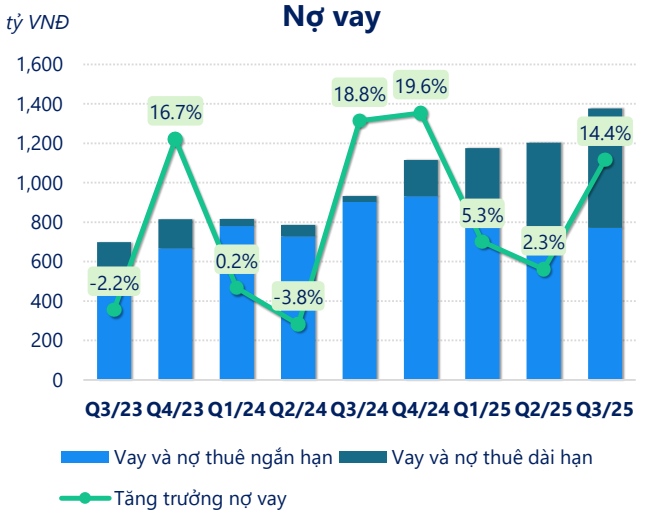
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



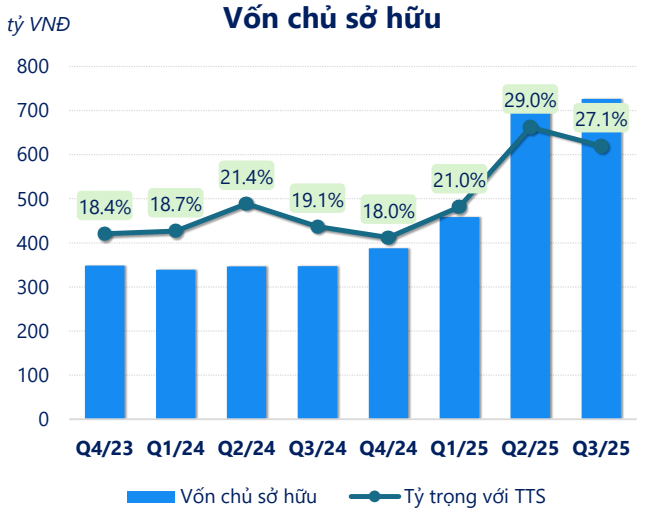
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



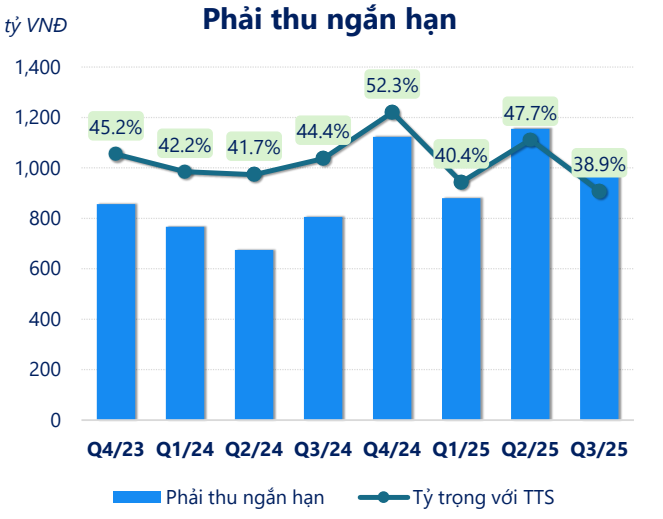
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



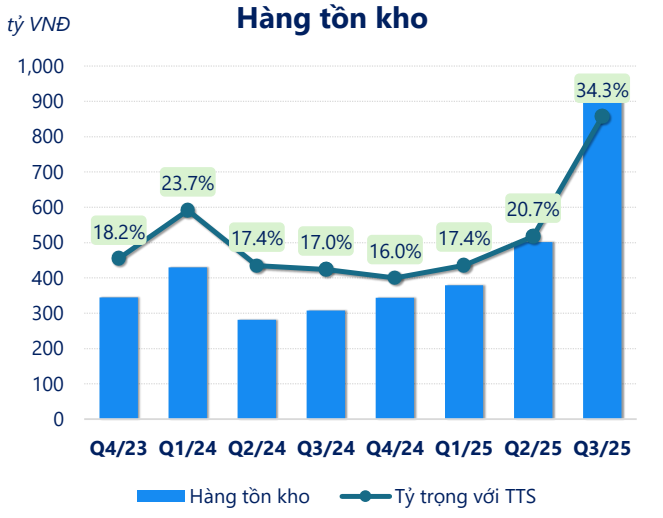
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



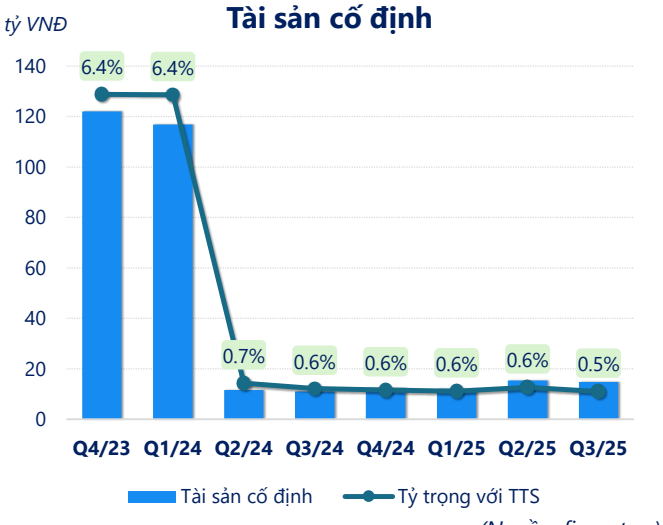
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



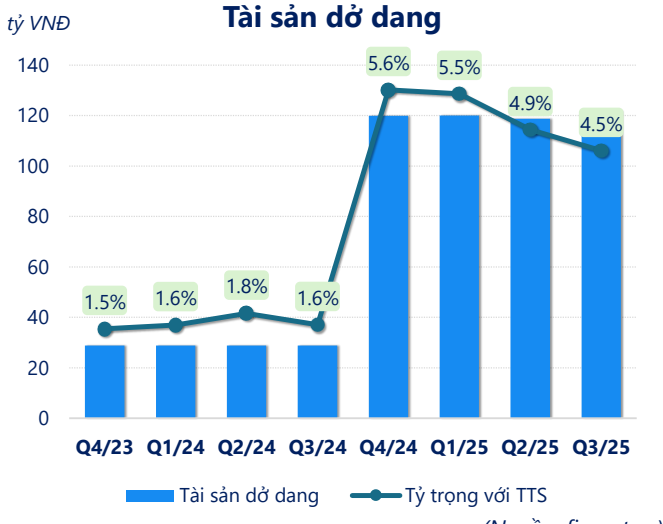
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



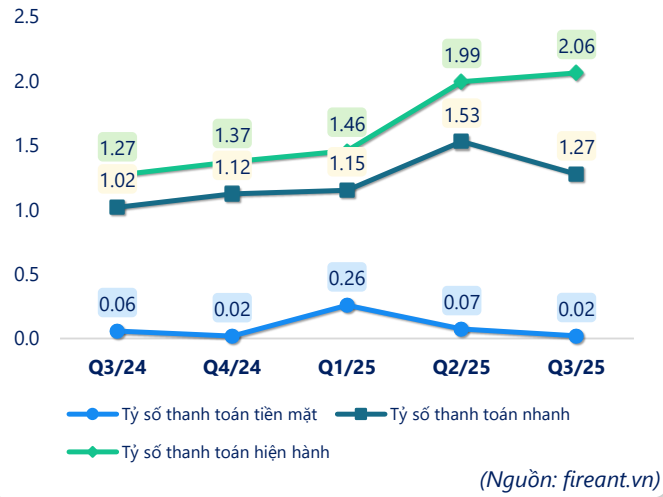
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



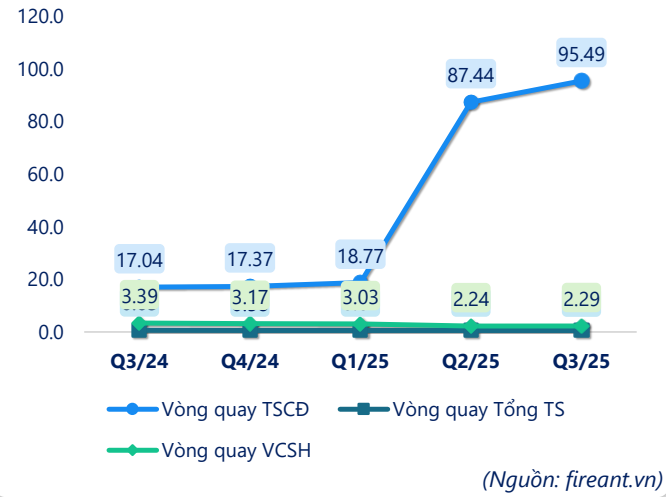
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,814**	**2,148**	**2,178**	**2,423**	**2,680**
Tài sản ngắn hạn	**1,566**	**1,903**	**1,800**	**2,157**	**2,407**
Tiền và tương đương tiền	72.6	26.2	318	80.0	23.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	368	400	210	401	396
Phải thu ngắn hạn	806	1,123	880	1,155	1,043
Hàng tồn kho	308	344	379	501	919
Tài sản ngắn hạn khác	11.2	10.0	12.9	19.5	25.5
Tài sản dài hạn	**248**	**245**	**377**	**266**	**274**
Phải thu dài hạn	0.24	0.24	136	18.3	18.5
Tài sản cố định	11.0	12.4	12.1	15.3	14.7
Bất động sản đầu tư	130	37.2	35.4	36.3	35.8
Tài sản dở dang	28.8	120	120	119	122
Đầu tư tài chính dài hạn	74.5	72.3	71.9	74.3	79.0
Tài sản dài hạn khác	3.73	3.38	2.30	3.54	3.63
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,467**	**1,761**	**1,719**	**1,722**	**1,954**
Nợ ngắn hạn	**1,235**	**1,388**	**1,234**	**1,082**	**1,167**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	902	932	876	740	771
Phải trả người bán ngắn hạn	157	128	133	109	147
Nợ dài hạn	232	373	485	639	787
Vay và nợ thuê dài hạn	31.0	184	299	462	606
Nguồn vốn chủ sở hữu	**347**	**387**	**458**	**702**	**726**
Vốn chủ sở hữu	**347**	**387**	**458**	**702**	**726**
Vốn điều lệ	220	220	220	440	440
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)